

THÔNG TƯ

**Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí
bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử đại biểu
Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011-2016**

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu, tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 1018/2011/NQ/UBTVQH12 ngày 21/01/2011 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc công bố ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và thành lập Hội đồng bầu cử đại biểu Quốc hội;

Thực hiện Chỉ thị số 192/CT-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011-2016.

Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011-2016 như sau:

Điều 1. Những quy định chung

1. Kinh phí phục vụ cho bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011-2016 do ngân sách Trung ương bảo đảm.

2. Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử phải được các tổ chức, cơ quan quản lý chặt chẽ, chi tiêu theo đúng chế độ, đúng mục đích, có hiệu quả; sử dụng các phương tiện phục vụ các cuộc bầu cử trước đây hiện còn sử dụng được, huy động các phương tiện đang được trang bị ở các đơn vị phục vụ cho nhiệm vụ bầu cử đảm bảo tiết kiệm chi cho ngân sách nhà nước.

3. Kết thúc bầu cử, các tổ chức, cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí phải quyết toán số kinh phí bầu cử đã sử dụng với cơ quan tài chính cùng cấp.

4. Cùng với số kinh phí phục vụ cho bầu cử do ngân sách Trung ương đảm bảo, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, yêu cầu công việc và khả năng ngân sách; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo

Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định bổ sung kinh phí từ ngân sách địa phương để phục vụ cho công tác bầu cử tại địa phương.

Điều 2. Nội dung chi

Kinh phí phục vụ cho bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011-2016 được sử dụng chi cho các nội dung sau:

1. Chi tài liệu, ấn phẩm phục vụ bầu cử:

- Chi in ấn thẻ cử tri, phiếu bầu, nội quy nơi bầu cử, viết thẻ cử tri, danh sách cử tri, phù hiệu cho nhân viên tổ chức bầu cử, biên bản bầu cử; hồ sơ người ứng cử, các biểu mẫu, tiểu sử, danh sách người ứng cử, người tự ứng cử, người trúng cử, biên bản bầu cử, giấy chứng nhận đại biểu trúng cử và các loại giấy tờ khác phục vụ cho công tác bầu cử;

- Chi soạn thảo, in ấn tài liệu phục vụ, hướng dẫn công tác bầu cử;

- Chi về tài liệu phục vụ cho cuộc bầu cử như Luật bầu cử đại biểu Quốc hội, Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật và các ấn phẩm phục vụ cho cuộc bầu cử.

2. Chi cho công tác tuyên truyền, hướng dẫn và chi phí hành chính cho công tác bầu cử:

- Chi tuyên truyền, hướng dẫn, vận động bầu cử;

- Chi văn phòng phẩm, chi phí hành chính trong đợt bầu cử;

- Chi thông tin liên lạc phục vụ bầu cử;

- Chi thuê hội trường và địa điểm bỏ phiếu;

- Chi về trang trí, loa đài, bảo vệ tại tổ bầu cử;

- Chi làm hòm phiếu bổ sung, khắc dấu của tổ chức bầu cử;

- Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử;

- Chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác bầu cử.

3. Chi tổ chức hội nghị:

- Chi hội nghị hiệp thương, tiếp xúc cử tri, vận động bầu cử;

- Hội nghị tập huấn, hội nghị triển khai, hội nghị giao ban, hội nghị tổng kết, khen thưởng.

4. Chi cho công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử:

- Chi phương tiện đi lại, công tác phí;

- Chi kiểm phiếu và vận chuyển phiếu bầu;

- Chi khác liên quan đến công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử.

5. Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; giám sát hoạt động khiếu nại, tố cáo về công tác bầu cử.

Trong phạm vi kinh phí phục vụ bầu cử được cơ quan có thẩm quyền phân bổ và tình hình thực tế, các đơn vị và tổ chức được giao sử dụng kinh phí thực hiện bố trí kinh phí chi tiêu theo các nội dung trên đây cho phù hợp và đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Mức chi

1. Chi tại Trung ương:

a) Chi tổ chức hội nghị: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; các quy định của Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị ở Trung ương cụ thể hóa Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính (nếu có).

Riêng chi tổ chức các hội nghị do Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử triệu tập: áp dụng theo chế độ chi phục vụ kỳ họp Quốc hội gần nhất đối với các nội dung: ăn, nghỉ, giải khát, bồi dưỡng đại biểu tham dự.

b) Chi bồi dưỡng các cuộc họp:

- Các cuộc họp của Hội đồng bầu cử, các Tiểu ban của Hội đồng bầu cử, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:

+ Chủ trì cuộc họp: 200.000 đồng/người/buổi.

+ Thành viên tham dự: 100.000 đồng/người/buổi.

+ Các đối tượng phục vụ: 50.000 đồng/người/buổi.

- Chi bồi dưỡng các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử:

+ Chủ trì cuộc họp: 150.000 đồng/người/buổi.

+ Thành viên tham dự: 50.000 đồng/người/buổi.

+ Các đối tượng phục vụ: 30.000 đồng/người/buổi.

c) Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:

Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:

- Trưởng đoàn giám sát: 100.000 đồng/người/buổi.

- Thành viên chính thức của đoàn giám sát: 70.000 đồng/người/buổi.

- Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát như sau:

+ Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát: 50.000 đồng/người /buổi.

+ Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (Lái xe, bảo vệ lãnh đạo): 30.000 đồng/người/buổi.

- Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát:

+ Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử: 2.500.000 đồng/báo cáo.

+ Chi tham gia ý kiến của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử đối với báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra, giám sát: 50.000 đồng - 200.000 đồng/người/lần, nhưng tối đa không quá 400.000 đồng/người/báo cáo.

+ Chính lý, hoàn chỉnh báo cáo: 600.000 đồng/báo cáo.

d) Chi xây dựng văn bản:

- Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử: Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 192/2010/TTLT-BTC-BTP-VPCP ngày 02/12/2010 của Bộ Tài chính – Bộ Tư pháp – Văn phòng Chính phủ hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

- Chi xây dựng các văn bản ngoài phạm vi điều chỉnh của Thông tư liên tịch số 192/2010/TTLT-BTC-BTP-VPCP ngày 02/12/2010 của Bộ Tài chính – Bộ Tư pháp – Văn phòng Chính phủ; liên quan đến công tác bầu cử, có phạm vi toàn quốc do Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử, các Tiểu ban của Hội đồng bầu cử ban hành (kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử trong cả nước):

+ Xây dựng văn bản: 2.000.000/văn bản (tính đến sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý).

+ Xin ý kiến tham gia văn bản: 50.000 đồng - 200.000 đồng/người/lần, nhưng tối đa không quá 400.000 đồng/người/văn bản.

đ) Chi bồi dưỡng, hỗ trợ (phương tiện, liên lạc) cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử:

đ1) Chi bồi dưỡng tham gia phục vụ công tác bầu cử:

- Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau:

+ Thường trực Hội đồng bầu cử, Thường trực các Tiểu ban và Thường trực Tổ giúp việc Hội đồng bầu cử: 1.800.000 đồng/người/tháng.

+ Các thành viên Tổ giúp việc Hội đồng bầu cử: 1.500.000 đồng/người/tháng.

Thời gian hưởng các chế độ bồi dưỡng trên theo thực tế; tối đa không quá 5 tháng.

- Bồi dưỡng 70.000 đồng/người/ngày đối với các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử; không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân.

- Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử): chi bồi dưỡng 100.000 đ/người/ngày, áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử.

đ2) Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động:

- Thường trực Hội đồng bầu cử, Thường trực các Tiểu ban và Thường trực Tổ giúp việc Hội đồng bầu cử; thường trực tổ giúp việc cho Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thường trực giúp việc cho Bộ trưởng Bộ Nội vụ: 300.000 đồng/người/tháng.

- Trường hợp cần thiết, Tổng thư ký Hội đồng bầu cử, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quyết định danh sách cán bộ được hỗ trợ cước điện thoại di động, mức khoán tối đa không quá 200.000 đồng/người/tháng.

Thời gian hỗ trợ cước điện thoại di động theo thực tế nhưng tối đa không quá 5 tháng.

e) Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử:

- Người được giao trực tiếp công dân: 70.000 đồng/người/buổi.

- Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân: 50.000 đồng/người/buổi.

- Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân: 30.000 đồng/người/buổi

g) Ngoài các quy định cụ thể trên, trong trường hợp yêu cầu thực tế phát sinh, Tổng thư ký Hội đồng bầu cử phối hợp với Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội thống nhất quy định bổ sung; Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội ban hành bằng văn bản để triển khai thực hiện.

2. Chi tại địa phương:

a) Chi tổ chức hội nghị: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; các quy định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cụ thể hóa Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính (nếu có).

b) Chi bồi dưỡng, hỗ trợ (phương tiện, liên lạc) cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử:

Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và mức kinh phí phục vụ cho bầu cử do ngân sách Trung ương đảm bảo được thông báo, khả năng cân đối ngân sách địa phương, Chủ tịch Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thống nhất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân; Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp về mức chi cụ thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định ban

hành các mức chi cụ thể bằng văn bản và phải báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.

c) Các chế độ chi khác (chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử; chi xây dựng văn bản; Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử)

Căn cứ các chế độ và mức chi cụ thể tại trung ương, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và mức kinh phí phục vụ cho bầu cử do ngân sách Trung ương đảm bảo được thông báo, khả năng cân đối ngân sách địa phương, Chủ tịch Ủy ban bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thống nhất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp về mức chi cụ thể tại địa phương tương ứng với các chế độ chi tại trung ương; tối đa không vượt quá mức chi tại trung ương. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định ban hành các mức chi cụ thể bằng văn bản và phải báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.

3. Các nội dung chi khác không quy định cụ thể tại khoản 1, khoản 2 nêu trên: Thực hiện theo các quy định hiện hành, thanh toán theo các chứng từ chi hợp pháp trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Lập, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí

Việc lập, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành, Thông tư này hướng dẫn một số điểm cụ thể như sau:

1. Phân bổ dự toán:

a) Trên cơ sở Quyết định phê duyệt kinh phí bầu cử của Hội đồng bầu cử, Bộ Tài chính thông báo mức kinh phí bầu cử cho Ủy ban bầu cử các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các Bộ, cơ quan Trung ương có liên quan.

b) Căn cứ mức kinh phí bầu cử được Trung ương thông báo, căn cứ vào số cử tri có trên địa bàn, đặc điểm của từng vùng, Ủy ban bầu cử tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định phê duyệt phương án phân bổ kinh phí bầu cử và giao cho Sở Tài chính thông báo kinh phí bầu cử cho các cơ quan, tổ chức liên quan ở cấp tỉnh và các Ban bầu cử cấp huyện. Ban bầu cử cấp huyện quyết định phân bổ kinh phí và giao cho Phòng Tài chính thông báo kinh phí bầu cử cho các Tổ bầu cử và các cơ quan, tổ chức có liên quan trên địa bàn.

Trường hợp Ban bầu cử được thành lập trên cơ sở đơn vị bầu cử có từ 2 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên thì trụ sở Ban bầu cử làm việc thuộc quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nào thì Ban bầu cử phân bổ dự toán kinh phí bầu cử về cơ quan tài chính quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh đó.

c) Trên cơ sở mức kinh phí được giao, đơn vị sử dụng kinh phí (Hội đồng bầu cử, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Tổ bầu cử và cơ quan, tổ chức, đơn vị khác) căn cứ vào các chế độ tiêu chuẩn định mức chi tiêu hiện hành và các nội dung

chi quy định tại Thông tư này, lập dự toán kinh phí được giao theo các nhóm mục chi gửi cơ quan tài chính cùng cấp và Kho bạc nhà nước cùng cấp để thực hiện phối hợp tổ chức chi tiêu theo quy định.

2. Giao dự toán:

a) Các Bộ, cơ quan Trung ương thực hiện rút dự toán trực tiếp từ Kho bạc nhà nước nơi giao dịch.

b) Kinh phí cho các đơn vị bầu cử thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an được thông báo cho Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và thực hiện rút dự toán tại Kho bạc nhà nước theo quy định hiện hành.

c) Ngân sách Trung ương thực hiện bổ sung dự toán ngân sách cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Việc cấp phát kinh phí giữa các cấp ngân sách ở địa phương, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào điều kiện thực tế và khả năng quản lý của mình, trình Ủy ban bầu cử cấp tỉnh quyết định phương thức cấp phát kinh phí phục vụ bầu cử của địa phương theo hình thức bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới hoặc thông báo, giao dự toán trực tiếp cho các cơ quan sử dụng kinh phí bầu cử.

d) Đơn vị sử dụng kinh phí bầu cử khi phát sinh nhiệm vụ chi ngân sách phải lập chứng từ theo quy định gửi Kho bạc nhà nước cùng cấp để thực hiện rút dự toán chi tiêu.

Cơ quan Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của chứng từ, lệnh chuẩn chi của thủ trưởng đơn vị sử dụng kinh phí, thực hiện thanh toán kinh phí cho các đơn vị sử dụng đảm bảo kịp thời, đúng chế độ.

3. Quyết toán kinh phí:

Sau khi kết thúc bầu cử, các Tổ bầu cử, Ban bầu cử, Ủy ban bầu cử và các cơ quan có liên quan được phân bổ kinh phí bầu cử thực hiện việc quyết toán kinh phí bầu cử đã sử dụng với cơ quan tài chính cùng cấp theo thời gian quy định, theo đúng mẫu biểu quy định theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán hành chính sự nghiệp; cụ thể như sau:

a) Các Tổ bầu cử có trách nhiệm quyết toán số kinh phí được giao, số đã sử dụng với cơ quan tài chính quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Trường hợp Tổ bầu cử hết nhiệm vụ sau khi Hội đồng bầu cử công bố kết quả bầu cử mà công tác quyết toán kinh phí vẫn chưa hoàn tất thì Tổ trưởng Tổ bầu cử giao trách nhiệm và ủy quyền cho Ủy viên Tổ bầu cử là đại diện Ủy ban nhân dân chịu trách nhiệm quyết toán kinh phí với cơ quan tài chính.

b) Các Ban bầu cử có trách nhiệm quyết toán số kinh phí được giao đã sử dụng với cơ quan tài chính.

Trường hợp Ban bầu cử hết nhiệm vụ sau khi Hội đồng bầu cử công bố kết quả bầu cử mà công tác quyết toán kinh phí vẫn chưa hoàn tất thì Trưởng Ban bầu cử giao trách nhiệm và uỷ quyền cho Uỷ viên Ban bầu cử là đại diện Uỷ ban nhân dân chịu trách nhiệm quyết toán số kinh phí với cơ quan tài chính.

c) Các cơ quan đơn vị khác được phân bổ kinh phí bầu cử thực hiện việc quyết toán kinh phí đã sử dụng với cơ quan tài chính theo quy định hiện hành.

d) Cơ quan tài chính các cấp có trách nhiệm kiểm tra xét duyệt quyết toán kinh phí của các cơ quan, đơn vị sử dụng kinh phí phục vụ bầu cử; Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp kinh phí bầu cử đã sử dụng vào báo cáo quyết toán ngân sách địa phương và quyết toán với Bộ Tài chính, đồng gửi Hội đồng bầu cử Trung ương.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 04 năm 2011.

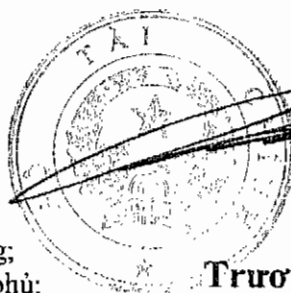
2. Đối với các khối lượng công việc các Bộ, ngành, địa phương đã triển khai thực hiện trước khi Thông tư này có hiệu lực; các Bộ, ngành, địa phương căn cứ quy định tại Thông tư này và chứng từ chi tiêu thực tế, hợp lệ để quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương phản ánh về Bộ Tài chính để xử lý kịp thời./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Hội đồng dân tộc và các Uỷ ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Văn phòng BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND, Mặt trận TQ, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ HCSN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trương Chí Trung